

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày: 15-03-2024

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng hội”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Duy Oanh;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-DS, ngày 06/10/2023, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐST-DS ngày 01/02/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị N, sinh năm: 1962; Địa chỉ: khóm B, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- **Bị đơn:** Trần Thị L, sinh năm: 1965; Địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.(có đơn xin vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Võ Văn Bé E, sinh năm: 1965. Địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyễn Thị N có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Trần Thị L làm chủ như sau:

Dây hụi tháng khai ngày 10/8/2019 có 20 phần giá hụi 2.000.000đ/tháng, bà N tham gia 01 phần, bà N chưa hốt, đã đóng được 18 lần mỗi lần đóng 1.540.000 đồng, vậy bà N đã đóng được 27.720.000 đồng.

Dây hụi tháng khai ngày 10/12/2020 có 20 phần giá hụi 2.000.000đ/tháng, bà N tham gia 05 phần, bà N chưa hốt, đã đóng được 02 lần mỗi lần đóng 7.700.000 đồng, vậy bà N đã đóng được 15.400.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi này bà N đã đóng với số tiền 43.120.000 đồng. Sau khi bà L thu tiền hụi tháng 01/2021, bà L tuyên bố bẻ hụi và không có khả năng chi trả cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Thị L, Võ Văn Bé E cùng liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi 43.120.000 đồng, lãi không yêu cầu.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Trần Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trước khi mở phiên tòa thì bà Trần Thị L có tường trình bằng văn bản gửi đến Tòa án với nội dung sau: Bà L thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền hụi của 02 dây hụi là 43.120.000 đồng đúng như lời trình bày của bà N. Bà Trần Thị L đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bé E vắng mặt:

Đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối ông Võ Văn Bé E theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn Nguyễn Thị N cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Đồng thời, tại văn bản ý kiến của bà Trần Thị L có trình bày: Ông Võ Văn Bé E là chồng hợp pháp của bà L và hiện đang sống chung với với bà L. Việc bà L tham gia chơi hụi, làm chủ hụi, nợ hụi... thì ông Võ Văn Bé E đều biết. Đối với vụ án này thì ông Bé E cũng đồng ý và thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên không đến Tòa án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Trần Thị L, Võ Văn Bé E trả tiền nợ hụi, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng hụi. Các đương sự cư trú tại

huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Thị L, Võ Văn Bé E liên đới trả cho Nguyễn Thị N số tiền nợ hụi 43.120.000 đồng, lãi không yêu cầu. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là danh sách hụi do bà L ghi tổng số tiền nợ hụi của các dây hụi bà N tham gia chơi và bà L cũng đồng ý trả cho bà N số tiền nợ hụi này. Đối với ông Bé E là chồng của bà L không trực tiếp giao dịch góp hụi nhưng ông B Em là chồng hợp pháp, hiện vẫn sinh sống cùng bà L, lời trình bày của bà L là ông Võ Văn Bé E có biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Trần Thị L nợ tiền hụi Nguyễn Thị N số tiền 43.120.000 đồng và cần buộc ông Võ Văn Bé E cùng liên đới nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyễn Thị N.
2. Buộc Trần Thị L, Võ Văn Bé E liên đới trả cho Nguyễn Thị N số tiền nợ hụi là 43.120.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Trần Thị L, Võ Văn Bé E phải liên đới nộp 2.156.000 đồng (Hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/3/2024). Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiếu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Tại: Phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Cao D.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Phát T;

2. Ông: Nguyễn Thanh P.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 305/2021/TLST- DS, ngày 13/10/2021, về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mai Thị T1, sinh năm: 1968. Địa chỉ: G ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Huỳnh Văn T2, sinh năm 1984; Phạm Thị Kim M, sinh năm: 1984; Cùng địa chỉ: A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Cửa hàng H, khóm D, TT L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Mai Thị The .

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Buộc ông Huỳnh Văn T2, bà Phạm Thị Kim M trả cho bà Mai Thị T1 tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng, lãi 114.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.614.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Bà Mai Thị T1 đồng ý trả cho ông Huỳnh Văn T2, bà Phạm Thị Kim M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 492303 số vào sổ cấp GCN: CS08420 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ký Thị Thu X đã chuyển nhượng cho anh Huỳnh Văn T2 ngày 20/5/2021.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Huỳnh Văn T2, bà Phạm Thị Kim M phải nộp 60.420.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Mai Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Thị T1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.760.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0005779, ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/01/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phát Triển Nguyễn Thanh P1

Nguyễn Cao D